

Số: 460/SGDDĐT-KHTC

Kiên Giang, ngày 15 tháng 04 năm 2014

### HƯỚNG DẪN

**Thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT- BNV- BTC**

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT- BGDĐT- BNV- BTC ngày 8 tháng 03 năm 2013 của Liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 48/2011/TT- BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư số 28/2009/TT- BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chế độ công tác giáo viên giảng dạy trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT- BGDĐT- BNV ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục công lập;

Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang hướng dẫn việc triển khai và thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2013/TT-BGDĐT- BNV- BTC của Liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, như sau:

**1./ Các cơ quan, đơn vị nghiên cứu kỹ Thông tư liên tịch số 07/2013/TT-BGDĐT- BNV- BTC để triển khai và thực hiện việc thanh toán chế độ làm thêm giờ cho cán bộ quản lý, giáo viên đúng quy định.**

**2./ Trong quá trình thực hiện cần lưu ý một số điểm:**

2.1. Đối tượng và phạm vi áp dụng: Cán bộ quản lý và giáo viên công tác tại các cơ sở giáo dục công lập, gồm: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục chuyên nghiệp...

2.2. Thời điểm áp dụng: Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT- BNV-BTC thay thế Thông tư số 50/2008/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 09/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

Thông nhất áp dụng từ năm học 2013-2014. Khung thời gian năm học để tính chế độ thêm giờ được tính từ *tháng 7 năm trước đến hết tháng 6 của năm liền kề*.

2.3. Đối tượng được hưởng chế độ làm thêm giờ phải hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và nhiệm vụ khác theo chế độ làm việc của nhà giáo ở các bậc học được quy định tại các văn bản hiện hành.

2.4 Số giờ dạy thêm/ năm học:

Số giờ dạy thêm/năm học = [Số giờ dạy thực tế/năm học + Số giờ dạy quy đổi/năm học (nếu có) + Số giờ dạy tính thêm/năm học (nếu có) + Số giờ dạy được giảm theo chế độ/năm học (nếu có)] trừ (Định mức giờ dạy/năm).

2.5 Việc tính trả tiền lương dạy thêm giờ phải đảm bảo thực hiện đúng căn cứ, nguyên tắc và cách tính theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC, cụ thể:

a) Định mức giờ dạy/năm của giáo viên, chức danh các bậc học, cấp học như sau:

| Số TT   | Cấp học   | Định mức tiết (giờ) dạy/tuần | Số tuần/năm | Ghi chú   |
|---|---|------------------------------|-------------|---|
| <b>1. Định mức giờ dạy của giáo viên</b>                          |   |                              |             |   |
| 1.1   | Giáo viên Mầm non: dạy lớp 2 buổi/ngày                          | 30                           | 35          | 1.050 giờ; thực hiện các công việc khác do Hiệu trưởng quy đổi để đảm bảo đủ 40 giờ/tuần.   |
|   | Giáo viên Mầm non: dạy lớp 1 buổi/ngày                          | 20                           | 35          | 700 giờ; thực hiện các công việc khác do Hiệu trưởng quy đổi để đảm bảo đủ 40 giờ/tuần.   |
| 1.2   | Tiểu học  | 23                           | 35          | 805 tiết/năm; không tính tiết chào cờ, sinh hoạt chủ nhiệm.   |
| 1.3   | Trung học cơ sở   | 19                           | 37          | 703 tiết/năm; không tính tiết chào cờ, sinh hoạt chủ nhiệm.   |
| 1.4   | Trung học cơ sở Dân tộc Nội trú                                 | 17                           | 37          | 629 tiết/năm; không tính tiết chào cờ, sinh hoạt chủ nhiệm.   |
| 1.5   | Trung học phổ thông   | 17                           | 37          | 629 tiết/năm; không tính tiết chào cờ, sinh hoạt chủ nhiệm.   |
| 1.6   | Trung học phổ thông Dân tộc Nội trú                             | 15                           | 37          | 555 tiết/năm; không tính tiết chào cờ, sinh hoạt chủ nhiệm.   |
| 1.7   | Trung tâm GDTX, Trung tâm NN-TH                                 | 17                           | 37          | 629 tiết/năm, thực hiện cùng cấp THPT quy định tại: khoản 6 điều 24- Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT và Điều 2 của Quyết định Số: 31/2007/QĐ-BGDĐT |
| <b>2. Định mức giờ dạy của Ban Giám hiệu và một số chức danh:</b> |   |                              |             |   |
| 2.1   | <b>Mầm non, Tiểu học:</b><br>- Hiệu trưởng<br>- Phó Hiệu trưởng | 2<br>4                       | 35          | Hiệu trưởng: 70 giờ (tiết)/năm;<br>Phó Hiệu trưởng: 140 giờ(tiết)/năm (Mầm non thực hiện theo Khoản 4, điều 4 – Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT)     |

|     |   |   |    |  |
|-----|---|---|----|--|
| 2.2 | THCS, THPT, Phổ thông DTNT, Trung tâm GDTX; TH-NN:<br>- Hiệu trưởng (GD)<br>- P.Hiệu trưởng (PGD) | 2<br>4  | 37 | Hiệu trưởng(GD):<br>74tiết/năm.<br>Phó Hiệu trưởng (PGD):<br>148tiết/năm |
| 2.3 | Bí thư Đoàn trường (Trung tâm)  |   | 37 | 74 tiết/năm trường có 28 lớp trở lên và 185 tiết/năm trường dưới 28 lớp. |
| 2.4 | Phó Bí thư Đoàn trường (Trung tâm)  |   | 37 | 314 tiết/năm trường có 28 lớp trở lên và 407 tiết/năm trường dưới 28 lớp |
| 2.5 | Tổng phụ trách đội  | Mỗi trường Tiểu học, Trung học cơ sở bố trí 1 biên chế làm Tổng phụ trách đội. Trường THPT (có 2 cấp học) phó bí thư đoàn trường làm TPT Đội. |    |  |

\* Định mức giờ dạy/năm của giáo viên trường trung cấp chuyên nghiệp, Hiệu trưởng căn cứ vào Quyết định số 18/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/5/2007 của Bộ GD&ĐT để quy định giờ dạy cho từng giáo viên trong 1 năm cho phù hợp (giờ dạy của GV TCCN theo tiêu chuẩn từ 430 giờ đến 510 giờ chuẩn/năm).

b) Định mức giảm giờ dạy trong tuần:

| Số TT | Nội dung  | Định mức giảm giờ (tiết)/tuần |          |        |            | Ghi chú |
|-------|---|-------------------------------|----------|--------|------------|---------|
|       |   | Mầm non                       | Tiểu học | THCS   | THPT, GDTX |         |
| 1     | Giáo viên chủ nhiệm lớp   |                               | 3        | 4      | 4          |         |
| 2     | Giáo viên kiêm nhiệm phòng học bộ môn (phòng máy vi tính)   |                               | 3        | 3      | 3          |         |
| 3     | Giáo viên kiêm Bí thư Đảng bộ, Bí thư Chi bộ; Chủ tịch công đoàn:<br>- Trường hạng I:<br>- Trường hạng II, III  | 2                             | 4<br>3   | 4<br>3 | 4<br>3     |         |
| 4     | Tổ trưởng tổ chuyên môn   | 3                             | 3        | 3      | 3          |         |
| 5     | Giáo viên kiêm nhiệm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng trường; Bí thư đoàn thanh niên đối với giáo viên mầm non.   | 2                             | 2        | 2      | 2          |         |
| 6     | Giáo viên kiêm Trưởng Ban thanh tra nhân dân  | 2                             | 2        | 2      | 2          |         |
| 7     | Giáo viên trong thời gian tập sự  |                               | 2        | 2      | 2          |         |
| 8     | Giáo viên nữ có con nhỏ từ 12 tháng trở xuống.  | 5                             | 4        | 3      | 3          |         |
| 9     | Giáo viên kiêm nhiệm thủ quỹ, văn thư, y tế trường học, phụ trách công tác phổ cập GD giáo dục, thư viện, thiết bị, kế toán (đối với trường chưa tuyển dụng, bố trí được nhân sự) | 8                             | 8        | 6      | 6          |         |

Ngoài ra, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông được huy động làm công tác viên thanh tra giáo dục thời gian làm việc một buổi được tính giảm 4 giờ định mức đối với cấp học mầm non; 3 tiết định mức đối với phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Việc quy đổi một số hoạt động chuyên môn khác ra giờ dạy, Thủ trưởng đơn vị căn cứ tình hình thực tế quy định việc quy đổi tiết dạy đối với các công việc chuyên môn khác sau cho phù hợp, đúng quy định văn bản hướng dẫn hiện hành.

### **3./ Nguyên tắc tính trả tiền lương dạy thêm giờ thực hiện theo điều 3 Thông tư liên tịch số 07/2013/TT-BGDĐT- BNV- BTC:**

3.1. Tiền lương của một tháng làm căn cứ tính trả tiền lương dạy thêm giờ của nhà giáo, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng, các khoản phụ cấp lương (chức vụ; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề) và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

3.2. Đối với nhà giáo công tác ở các cơ sở giáo dục công lập có nhiều cấp học (trường cấp II, III), trực tiếp tham gia giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng ở 2 cấp học (vừa dạy các lớp THCS và vừa dạy các lớp THPT). Nếu trình độ chuyên môn Đại học (Loại: A1- Ngạch: 15.113) thì áp dụng định mức giờ dạy/năm quy định ở cấp cao nhất (THPT). Nếu giáo viên THCS dạy kiêm nhiệm các lớp THPT trên 50% định mức tiết dạy thì được tính định mức giờ dạy/năm theo cấp học THPT.

3.3. Chỉ thanh toán tiền lương dạy thêm giờ đối với bộ môn (tổ chuyên môn) đã giảng dạy đủ số tiết theo quy định trong một năm (khoản 6, điều 3, Thông tư liên tịch số 07/2013/TT-BGDĐT- BNV- BTC).

3.4. Thời gian không trực tiếp tham gia giảng dạy nhưng được tính hoàn thành đủ số giờ giảng dạy (trong tuần, tháng) và được tính vào giờ dạy quy đổi, bao gồm: thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; thời gian đi làm nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền phân công, điều động.

3.5. Số giờ dạy thêm được tính trả tiền lương dạy thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch này nhưng không quá 200 tiết (giờ) làm thêm theo quy định của pháp luật.

3.6. Đối với giáo viên tham gia giảng dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ, lớp phổ cập đã hoàn thành số tiết (giờ) quy định trong năm, số giờ vượt định mức giờ chuẩn thì được thanh toán trả lương làm thêm giờ theo quy định hiện hành tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 (nguồn kinh phí chi trả mục này sử dụng kinh phí Chương trình MTQG GD&ĐT). Riêng đối với công tác huy động ra lớp XMC, phổ cập của trường và xã, phường vẫn thực hiện theo định mức tại Quyết định số 2372/2001/QĐ-UB ngày 24/10/2001 của UBND tỉnh về việc quy định tạm thời mức chi PCGD THCS áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

#### **4. Công thức và cách tính tiền lương dạy thêm giờ:**

a) Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = Số giờ dạy dư/năm học x Tiền lương 01 giờ dạy thêm.

b) Tiền lương 01 giờ dạy thêm = Tiền lương 01 giờ dạy x 150%;

c) Tiền lương 01 giờ dạy (công thức chung):

$$\text{Tiền lương 01 giờ dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức giờ dạy/năm Theo từng cấp học}} \times \frac{\text{Số tuần dành cho giảng dạy (dạy trẻ)}}{52 \text{ tuần}}$$

d) Tiền lương 01 giờ dạy, cụ thể cho từng cấp học, bậc học:

\* Đối với cấp học Mầm non:

$$\text{Tiền lương 01 giờ dạy GV mầm non} = \frac{\text{Tổng số tiền lương của 12 tháng trong năm}}{1.050 \text{ giờ}} \times \frac{35 \text{ tuần dành cho giảng dạy}}{52 \text{ tuần}}$$

\* Đối với cấp học Tiểu học:

$$\text{Tiền lương 01 tiết dạy GV tiểu học} = \frac{\text{Tổng số tiền lương của 12 tháng trong năm}}{805 \text{ tiết}} \times \frac{35 \text{ tuần dành cho giảng dạy}}{52 \text{ tuần}}$$

\* Đối với cấp học THCS:

$$\text{Tiền lương 01 tiết dạy GV THCS} = \frac{\text{Tổng số tiền lương của 12 tháng trong năm}}{703 \text{ tiết}} \times \frac{37 \text{ tuần dành cho giảng dạy}}{52 \text{ tuần}}$$

\* Đối với cấp học THCS phổ thông DTNT; Trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên, trung tâm Ngoại ngữ - Tin học:

$$\text{Tiền lương 01 tiết dạy GV} = \frac{\text{Tổng số tiền lương của 12 tháng trong năm}}{629 \text{ tiết}} \times \frac{37 \text{ tuần dành cho giảng dạy}}{52 \text{ tuần}}$$

\* Đối với phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh:

$$\text{Tiền lương 01 tiết dạy GV THPT (NT)} = \frac{\text{Tổng số tiền lương của 12 tháng trong năm}}{555 \text{ tiết}} \times \frac{37 \text{ tuần dành cho giảng dạy}}{52 \text{ tuần}}$$

\* Đối với Trung cấp chuyên nghiệp:

$$\text{Tiền lương 01 tiết dạy GV TCCN} = \frac{\text{Tổng số tiền lương của 12 tháng trong năm}}{430 \text{ đến } 510 \text{ giờ chuẩn}} \times \frac{37 \text{ tuần dành cho giảng dạy}}{52 \text{ tuần}}$$

Đối với giáo viên được phân công làm nhiệm vụ tổng phụ trách Đội, cán bộ Đoàn, Hội ở cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường trung cấp

chuyên nghiệp và cơ sở dạy nghề được tính theo công thức nêu trên, trong đó định mức giờ dạy/năm là định mức giờ dạy/năm của giáo viên cùng bậc học, cấp học, bộ môn của cơ sở giáo dục đó.

#### 5. Tổ chức thực hiện:

1. Những nội dung thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ không nêu trong hướng dẫn này thì tuân theo những quy định tại Thông tư liên tịch số: 07/2013/TTLT- BGDĐT- BNV- BTC.

2. Hướng dẫn này được áp dụng kể từ năm học 2013-2014.

3. Khi các văn bản quy định có liên quan được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các quy định đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc, các cơ sở giáo dục phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng KHTC) nghiên cứu, giải quyết. /*ptau*

#### Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Các phòng ban Sở;
- Các phòng GD&ĐT huyện, thị, thành;
- Các đơn vị trực thuộc Sở.
- Lưu: VT, KHTC.



Nguyễn Thị Minh Giang